

Số: 66/2017/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 480/BC-HĐND ngày 04/7/2017 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng cho ngân sách giai đoạn 2017-2020 đối với nguồn vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

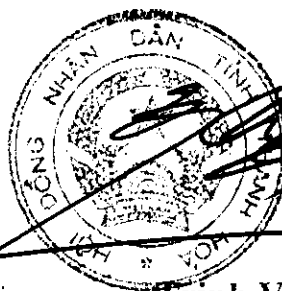
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2017. Các quy định trước đây trái với quy định tại Nghị quyết này đều bãi bỏ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động-TBXH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương
và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020**

trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (gọi tắt là Chương trình giảm nghèo).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch và sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thuộc Chương trình giảm nghèo.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình giảm nghèo phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan phù hợp với các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp Chương trình giảm nghèo.

- Đối với dự án thành phần Trung ương đã quy định nội dung, định mức, kinh phí cụ thể và cơ quan chủ trì, thực hiện theo định mức của Trung ương, thì không áp dụng tiêu chí.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa các huyện, thị xã, thành phố với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.

- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác thực hiện Chương trình giảm nghèo; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi, đối tượng, tiêu chí, điểm và định mức phân bổ

1. Dự án 1: Chương trình 30a

1.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo 30a.

a) Phạm vi và đối tượng hỗ trợ:

Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ.

b) Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm
- Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số	
1. Dân số	
- Huyện có quy mô dân số dưới 5.000 hộ:	0,15
- Huyện có quy mô dân số từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ:	0,17
- Huyện có quy mô dân số từ 10.000 hộ trở lên:	0,20
2. Dân tộc thiểu số	
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số dưới 5.000 hộ:	0,15
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ:	0,17
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 10.000 hộ trở lên:	0,20

Tiêu chí	Điểm
- Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo	
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 45%:	0,20
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%:	0,22
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% trở lên:	0,24
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,20
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,22
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,24

Tiêu chí	Điểm
- Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên	
1. Huyện có tổng diện tích tự nhiên dưới 50.000 ha:	0,10
2. Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 50.000 ha đến dưới 100.000 ha:	0,12
3. Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 100.000 ha trở lên:	0,14

Tiêu chí	Điểm
- Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính và huyện có xã biên giới	
1. Đơn vị hành chính	
- Huyện có số xã dưới 10 xã:	0,10
- Huyện có số xã từ 10 đến dưới 20 xã:	0,12
- Huyện có số xã từ 20 xã trở lên:	0,14
2. Huyện có xã biên giới	
- Huyện có số xã biên giới dưới 5 xã:	0,10
- Huyện có số xã biên giới từ 5 xã đến dưới 10 xã:	0,12

c) *Định mức phân bổ:*

- Vốn đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = A x X

Trong đó:

A: Định mức vốn bình quân cho 01 điểm (*Tổng vốn đầu tư giao chia cho tổng điểm của các huyện nghèo*).

X: Tổng điểm theo 04 nhóm tiêu chí của một huyện (dân số + dân tộc thiểu số + tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + diện tích đất tự nhiên + số đơn vị hành chính + số xã biên giới).

- Kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển.

1.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

a) *Phạm vi và đối tượng hỗ trợ:* Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

b) *Các tiêu chí cụ thể:* Thuộc danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

c) *Định mức phân bổ:*

- Vốn đầu tư: 1 tỷ đồng/xã/năm. Trong quá trình thực hiện, khi trung ương thông báo điều chỉnh tăng định mức phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh đề điều chỉnh tăng định mức trên theo quy định của trung ương.

- Kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện.

1.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo 30a, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

a) Phạm vi hỗ trợ:

- + Các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;
- + Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

b) Đối tượng hỗ trợ:

- + Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;
- + Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn;
- + Tổ chức và cá nhân có liên quan;
- + Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về...thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ:

(1) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn huyện nghèo 30a.

- Tiêu chí: Thực hiện theo các tiêu chí tính điểm được quy định tại Dự án 1. Chương trình 30a nêu trên.

- Định mức:

Kinh phí sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = A x X.

A: Định mức bình quân của 01 điểm (*Tổng kinh phí của tiểu dự án trừ đi kinh phí thực hiện các nội dung do cấp tỉnh thực hiện, chia cho tổng điểm của các huyện nghèo 30a*).

X: Tổng điểm theo 04 nhóm tiêu chí của một huyện (dân số + dân tộc thiểu số + tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo + diện tích đất tự nhiên + số đơn vị hành chính và số xã biên giới).

(2) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Tiêu chí: Là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

- Định mức: 300 triệu đồng/xã/năm.

(3) Nhân rộng mô hình giảm nghèo

Căn cứ kinh phí Trung ương, định mức phân bổ hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh phê duyệt danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể cho từng địa bàn huyện nghèo 30a và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

1.4. Tiểu dự án 4: Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

a) *Phạm vi hỗ trợ:*

- + Các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;
- + Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

b) *Đối tượng hỗ trợ:*

Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) *Tiêu chí và định mức phân bổ:*

* Đối với cấp tỉnh: Phân bổ 50% tổng kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao hàng năm của cấp tỉnh.

* Đối với cấp huyện: Phân bổ 50% tổng kinh phí, được phân bổ theo tiêu chí sau:

+ *Tiêu chí phân bổ:*

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
3. Số xã thụ hưởng dự án	
- Mỗi xã được thụ hưởng chính sách	0,30

+ *Định mức phân bổ:*

Tổng kinh phí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 điểm (*Tổng kinh phí cho cấp huyện chia cho tổng điểm của các huyện thực hiện dự án*).

+ X: Tổng điểm 03 tiêu chí của một huyện (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + số xã thụ hưởng chính sách).

2. Dự án 2: Chương trình 135

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

a) Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc (các xã khu vực I, II) áp dụng định mức 200 triệu đồng/thôn, bản/năm theo quy định tại Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg ngày 05/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với các xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III):

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm
1. Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn (H1):	
- Xã có 8 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở xuống:	5
- Xã có 9 thôn, bản đặc biệt khó khăn:	6
- Xã có từ 10 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở lên:	7
<i>Xã khu vực III, xã biên giới theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; Thôn, bản đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn bản đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135.</i>	
2. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn (H2):	
- Thấp hơn tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0
- Từ 01 lần đến 1,5 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,02
- Từ 1,5 lần đến 2,0 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,03
- Từ 2,0 lần đến 2,5 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,04
- Cao hơn 2,5 lần mức tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,05
<i>Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK để tính toán điểm được xác định căn cứ vào quyết định của UBND tỉnh phê duyệt về số liệu điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.</i>	
3. Tiêu chí về tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số trong xã(H3)	
- Dưới 70%:	0,03
- Từ 70% - 90%:	0,04
- Trên 90%:	0,05

+ Định mức phân bổ:

- Tổng kinh phí cho 01 xã: $X = (M/N) \times Y$

Trong đó:

+ X: Kinh phí phân bổ cho 01 xã thuộc Chương trình 135.

+ Y: là điểm các tiêu chí của 01 xã: $Y = H1 \times (1 + H2 + H3)$.

+ M: là tổng vốn đầu tư phát triển.

+ N: là tổng điểm của các xã thuộc Chương trình 135.

c) Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

2.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

a) Thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II áp dụng định mức 50 triệu đồng/thôn, bản/năm theo quy định tại Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg ngày 05/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III):

Kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho cấp xã áp dụng như các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đối với xã đặc biệt khó khăn thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 - Chương trình 135 nêu trên.

Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (M) bằng tổng kinh phí của Tiểu dự án trừ đi kinh phí thực hiện các nội dung do cấp tỉnh thực hiện.

c) Nhân rộng mô hình giảm nghèo:

Căn cứ kinh phí Trung ương, định mức phân bổ hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh phê duyệt danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể cho từng địa bàn thuộc Chương trình 135.

2.3. Tiểu Dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn.

Cơ quan chủ quản Chương trình căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, yêu cầu nhiệm vụ hàng năm để xây dựng hoạt động nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở trên địa bàn của cấp tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các xã không thuộc Chương trình 30a và Chương trình 135.

b) Đối tượng hỗ trợ:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư.

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị mua bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ:

Gồm 02 nội dung:

*** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế**

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 30%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% đến dưới 50%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 50% trở lên:	0,60
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính	
Một xã tính:	0,10

- *Định mức phân bổ:*

Tổng kinh phí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 điểm (*Bảng tổng kinh phí dự án trừ kinh phí cho nội dung nhân rộng mô hình giảm nghèo*).

+ X: Tổng điểm theo 03 tiêu chí của một huyện (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + đơn vị hành chính).

Trong trường hợp Trung ương phân bổ kinh phí cho dự án quá thấp, UBND tỉnh lựa chọn những địa phương cụ thể để tập trung hỗ trợ luân phiên trong giai đoạn 2017-2020.

*** Nhân rộng mô hình giảm nghèo**

Căn cứ kinh phí Trung ương, định mức phân bổ hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, UBND tỉnh phê duyệt danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể cho các xã nằm ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) *Phạm vi:*

Hỗ trợ trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi.

b) *Đối tượng:*

+ Các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông,

+ Cán bộ, người dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) *Tiêu chí và định mức phân bổ:*

* Đối với cấp tỉnh: Phân bổ 70% tổng kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao hàng năm của cấp tỉnh.

* Đối với cấp huyện: Phân bổ 30% tổng kinh phí, được phân bổ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính	
Một xã tính:	0,10

- Định mức phân bổ:

Tổng kinh phí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 điểm (Tổng kinh phí cho cấp huyện chia cho tổng điểm của các huyện).

X: Tổng điểm theo 03 tiêu chí của một huyện (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + số xã hành chính).

5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình

a) Phạm vi:

Hỗ trợ trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi.

b) Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức cá nhân thực hiện dự án.

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ:

* Đối với cấp tỉnh: Phân bổ 70% tổng kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao hàng năm của cấp tỉnh.

* Đối với cấp huyện: Phân bổ 30% tổng kinh phí, được phân bổ theo tiêu chí sau:

- Tiêu chí:

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính	
Một xã tính:	0,10

- Định mức phân bổ:

Tổng kinh phí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 điểm (Tổng kinh phí cho cấp huyện chia cho tổng điểm của các huyện).

+ X: Tổng điểm theo 03 tiêu chí của một huyện (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + tiêu chí đơn vị hành chính).

Điều 5. Căn cứ pháp lý để xác định tiêu chí

- Tiêu chí Dân số và dân tộc thiểu số và Tiêu chí Tỷ lệ hộ nghèo và Quy mô hộ nghèo để tính điểm được xác định căn cứ vào kết quả Tổng điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiêu chí Diện tích đất tự nhiên của huyện để tính toán điểm được xác định theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.

- Tiêu chí đơn vị hành chính: Đơn vị hành chính để tính toán điểm được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.

- Tiêu chí về địa bàn thực hiện của các dự án:

+ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

+ 07 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ.

+ Các thôn, xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó

khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

+ Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, UBND tỉnh đảm bảo bố trí vốn từ ngân sách địa phương tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện để thực hiện Chương trình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Nguồn ngân sách thực hiện

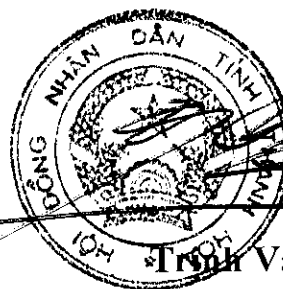
1. Ngân sách trung ương;
2. Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã);
3. Vốn huy động, lồng ghép và kinh phí đóng góp của nhân dân.

Điều 8. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện theo quy định.

1. Chỉ đạo xây dựng phương án phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 để thực hiện Chương trình giảm nghèo.

2. Chỉ đạo xây dựng phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp bằng nguồn ngân sách nhà nước và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 thực hiện Chương trình giảm nghèo./.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến